

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH
VÀ CHI NGÂN SÁCH HUYỆN THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2023**

(Kèm theo Báo cáo số 430 /BC-STC ngày 05/12/2022 của Sở Tài chính tỉnh Lai Châu)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Ngân sách địa phương	Chia ra	
			Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách huyện
A	B	1=2+3	2	3
	<u>TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</u>	<u>10.625.950</u>	<u>5.397.387</u>	<u>5.228.563</u>
A	<u>CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</u>	<u>7.104.402</u>	<u>2.543.635</u>	<u>4.560.767</u>
I	Chi đầu tư phát triển	901.827	369.679	532.148
1	Chi đầu tư cho các dự án	901.827	369.679	532.148
	Trong đó chia theo lĩnh vực:			
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	12.261	12.261	
-	Chi khoa học và công nghệ	0		
	Trong đó chia theo nguồn vốn:			
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	250.000	50.000	200.000
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	28.000	28.000	
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật			
3	Chi đầu tư phát triển khác			
II	Chi thường xuyên	5.821.162	1.871.535	3.949.627
	Trong đó:			
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.634.233	295.346	2.338.887
2	Chi khoa học và công nghệ	14.466	14.466	
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	450	450	0
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	1.000	
V	Dự phòng ngân sách	173.211	94.219	78.992
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	206.752	206.752	
B	<u>CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU</u>	<u>3.518.748</u>	<u>2.850.952</u>	<u>667.796</u>
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	1.712.400	1.047.013	665.387
1	Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững	475.827	299.058	176.769
2	Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới	90.254	23.704	66.550
3	Chương trình MTQG Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	1.146.319	724.251	422.068
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	1.806.348	1.803.939	2.409
1	Bổ sung mục tiêu (vốn ĐT XD CB)	1.722.200	1.722.200	
2	Bổ sung mục tiêu (vốn sự nghiệp)	84.148	81.739	2.409
2.1	Hỗ trợ các Hội Văn học nghệ thuật địa phương	437	437	
2.2	Hỗ trợ các Hội Nhà báo địa phương	160	160	
2.3	Hỗ trợ bồi dưỡng, công chức Hội Liên hiệp các cấp và Chi hội trưởng Phụ nữ	155	155	
2.4	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông	909	909	

STT	Nội dung	Ngân sách địa phương	Chia ra	
			Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách huyện
2.5	Vốn dự bị động viên	15.000	15.000	
2.6	Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ	1.500	1.500	
2.7	Kinh phí quản lý, bảo trì đường bộ	43.492	43.492	
2.8	Kinh phí thực hiện Chương trình trợ giúp xã hội và PHCN cho người tâm thần, trẻ em tự kỷ và người rối nhiễu tâm trí; chương trình phát triển công tác xã hội	19.200	19.200	
2.9	CTMT phát triển lâm nghiệp bền vững	3.295	886	2.409
C	<u>CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU</u>			